

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH: Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo
các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh;

Căn cứ nội dung Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm 04 chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho các khóa bắt đầu khai giảng từ năm học 2019 - 2020:

- 1) Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo Ngành Giáo dục thể chất
- 2) Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo Ngành Huấn luyện thể thao
- 3) Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo Ngành Quản lý Thể dục thể thao
- 4) Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo Ngành Y sinh học Thể dục thể thao

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trong Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);

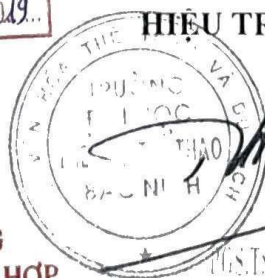
- Như điều 3 (T/H);

- Lưu VT, ĐT, QK, HT, TT (CB);



SỞ Y BẢN CHỨC
Ngày 26.9.2019

TRƯỞNG PHÒNG
HÀNH CHÍNH, TỔNG HỢP
TS. Nguyễn Thanh Tùng



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo quyết định số /QĐ-ĐHTĐTTBN ngày tháng năm của Hiệu Trưởng Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh)

1. Thông tin chung

Chương trình	Đào tạo đại học chính quy ngành Y sinh học TĐTT
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Y sinh học TĐTT
Mã ngành	7.72.90.01
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	2019-2023
Số tín chỉ	122
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	2 năm
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2019
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Y sinh học TĐTT

2. Triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo và định hướng nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người sau quá trình đào tạo trở thành công dân tốt, phát huy hiệu quả tốt nhất năng lực của bản thân, mang lại giá trị cao cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Nâng cao và khẳng định chất lượng, tăng quy mô trên cơ sở mở rộng ngành đào tạo, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, bồi dưỡng phục vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu xã hội; tăng cường hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể:

Phẩm chất chính trị - đạo đức:

- Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên phải có: Nhận thức đúng đắn về vị trí nghề nghiệp chuyên môn, luôn phấn đấu suốt đời vì sự nghiệp gìn giữ và tăng cường sức khỏe nhân dân hướng tới mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ.

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Chấp hành đúng đường lối của Đảng,

luật pháp của Nhà nước và các quy định của ngành; là những công dân tốt trong cộng đồng xã hội.

Năng lực chuyên môn:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành y sinh học TDTT đáp ứng yêu cầu của công tác huấn luyện, góp phần nâng cao trình độ huấn luyện và thành tích TT. Có đủ kiến thức cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa chấn thương, bệnh lý xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao.

- Về kỹ năng: Biết vận dụng những kiến thức y sinh học TDTT vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động y tế trong tập luyện và thi đấu thể thao. Ứng dụng thành thạo các thành tựu khoa học kỹ thuật Y học tiên tiến vào trong công tác chẩn đoán, phục hồi chức năng cho người luyện tập, tuyển chọn vận động viên và phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

- Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp: Đoàn kết, khiêm tốn học tập không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ. Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho mọi người.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

3.1.1. Kiến thức chung

3.1.1.1 Kiến thức về khoa học xã hội

- Nắm được những vấn đề cơ bản về Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hiểu và cập nhật được các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như định hướng phát triển đất nước trong từng giai đoạn.

3.1.1.2. Kiến thức về khoa học tự nhiên

Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

3.1.1.3. Kiến thức chuyên môn chung của ngành

Kiến thức về thể dục thể thao:

- Có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động Thể dục thể thao (TDTT) quần chúng và thể thao thành tích cao.

- Có kiến thức cơ sở về Lý luận và Phương pháp TDTT.

- Đạt tiêu chuẩn vận động viên đẳng cấp III của 03 môn thể thao tự chọn.

Kiến thức về Y sinh học:

- Hiểu biết cơ bản về thực trạng và xu hướng thay đổi về Y sinh học thể dục thể thao trong nước và quốc tế.

- Nắm vững những vấn đề cơ bản về cấu tạo, chức năng và hoạt động của cơ thể người trong trạng thái bình thường, trong hoạt động vận động và bệnh lý.

- Có kiến thức cơ bản về y học dự phòng trong xác định các tác động của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và nghề nghiệp đến sức khỏe.

3.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Nắm vững các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực y sinh học, về bệnh học, sinh lý bệnh, cấp cứu ban đầu, cách thức phòng ngừa chấn thương, phương pháp điều trị bệnh lý trong hoạt động thể thao.

- Nắm vững các nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và phương pháp xử lý bước đầu các chấn thương và các bệnh thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu thể dục thể thao.

- Có kiến thức đáp ứng yêu cầu của công tác nghiên cứu khoa học, tuyển chọn, huấn luyện vận động viên, góp phần nâng cao trình độ và thành tích thể thao.

- Nắm vững các kiến thức về vận động trị liệu, Thể dục chữa bệnh, Xoa bóp thể thao, Dinh dưỡng thể thao và hồi phục trong thể thao.

3.1.3 Kiến thức bổ trợ:

- Có kiến thức ngoại ngữ tương đương trình độ A2 (Theo thông tư [Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2014).
- Có kiến thức tin học tương đương trình độ B (quy đổi theo thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](#) ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin)

3.1.4. Kỹ năng:

3.1.4.1 Kỹ năng chuyên môn

- Có kỹ năng tổ chức hoạt động y tế phục vụ các giải thi đấu thể thao
- Có kỹ năng giảng dạy các môn Y sinh học thể dục thể thao, có năng lực thực hành chuyên môn về Y sinh học, vận dụng kiến thức Y sinh học thể dục thể thao trong nghiên cứu khoa học, kiểm tra, tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của người tập thể dục thể thao.
- Có kỹ năng giảng dạy môn Thể dục và công tác y tế tại các trường bậc học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học chuyên nghiệp.
- Có kỹ năng về tư vấn, chăm sóc y tế cho vận động viên và người tập thể dục thể thao, có khả năng ứng dụng các phương tiện, các thủ pháp Y học trong sơ cứu các chấn thương, hồi phục chức năng vận động.
- Có khả năng giáo dục và tư vấn cho VĐV về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT tại các cơ sở huấn luyện và các câu lạc bộ TDTT.
- Có khả năng tư vấn, biên soạn các bài tập vận động nhằm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ điều trị các bệnh nghề nghiệp ở các ngành nghề khác nhau.

3.1.4.2. Kỹ năng bổ trợ

- Có khả năng làm việc độc lập, và khả năng thuyết trình tốt.
- Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, tổ chức hội thảo; đại hội các CLB TDTT.
- Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tham gia giám sát các chương trình mục tiêu về y tế dự phòng.

3.1.5. Thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm; ý thức tổ chức, kỷ luật; chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan.
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe vận động viên, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị.

3.2. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các Trung tâm huấn luyện TDTT, trong các đơn vị TDTT cơ sở, cán bộ Y sinh học tại các Sở văn hóa, Thể thao và du lịch; các trường nghiệp vụ TDTT, cán bộ chăm sóc sức khỏe tại các đội tuyển TDTT... Hoặc là cán bộ giảng dạy các môn Y sinh học TDTT, các môn thể thao trong các trường của hệ thống giáo dục quốc dân.
- Khả năng học tập nâng cao: Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ chuyên ngành Y sinh học TDTT, học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành TDTT tại các trường.

4. Chuẩn đầu vào

Ngoài quy định chung tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD - ĐT, thí sinh thi vào học ngành Y sinh học TDTT phải có năng khiếu TDTT, cơ thể cân đối, không bị dị

tật, dị hình, có sức khỏe và thể lực tốt để đảm bảo học tập và công tác TDTT lâu dài.
Chiều cao tối thiểu đối với nam là 165 cm, nữ là 155 cm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo quy chế 25 ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục Đào tạo.

5.1. Quy trình đào tạo

- Hệ chính quy tập trung, đào tạo 4 năm gồm 8 học kỳ
- Sinh viên thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục - Đào tạo.
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được công nhận và cấp bằng cử nhân Y học TDTT.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật, đình chỉ học tập, không trong thời gian thi hành án hoặc khởi tố.
- Về học lực: Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 5.00 trở lên.

6. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức đại cương	30	
2. Kiến thức cơ sở ngành	31	
3. Kiến thức ngành	47	
4. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	
Tổng số	122	

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
A	Các môn đại cương		30		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	1ĐC301	5	1	
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	1ĐC302		2	
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản VN	1ĐC303	3	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	3	
4	Ngoại ngữ 1	1ĐC201	6	1	
	Ngoại ngữ 2	1ĐC202		2	
5	Tin học đại cương	1ĐC103	2	6	
6	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	3	
7	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	4	
8	Thống kê toán học	1ĐC101	2	3	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	4	
10	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	4	
11	Pháp luật đại cương	1QL101	2	2	
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1QP001	3	1	
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1QP002	2	1	
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1QP003	1	1	
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1QP004	2		
B	Kiến thức cơ sở ngành		31		
	Bắt buộc:		10		
1	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS301	2	2	

2	Sinh lý Thể dục thể thao 1	1YS302	4	5	
	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS701		6	
3	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	1	
4	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	LL001GYQ	2	5	
	Tự chọn 1 (5/21 tín chỉ)		5		
5	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102H YQ	2		
6	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202H YQ	2		
7	Y học Thể dục thể thao	1YS101	3	7	
8	Đo lường Thể thao	1ĐC102	2	5	
9	Quản lý Thể dục thể thao	1QL202Y	2		
10	Xã hội học Thể dục thể thao	1QL304G HY	2		
11	Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC303	2		
12	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL007	2		
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1ĐC203Y	2		
14	Văn hóa thể thao	1TL204	2		
	Tự chọn 2 (16/34 tín chỉ)		16		
15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền Kinh	1ĐK007G YQ	2	2	
16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	1TD007G YQ	2	1	
17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	1BL007G YQ	2	3	
18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	1TD009G YQ	2		
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BD007G YQ	2	5	
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB007G YQ	2		
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR007G YQ	2	4	
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC007G YQ	2		
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	1BN007G YQ	2		
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV007G YQ	2	4	
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	1CV007G YQ	2		
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL007G YQ	2		
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS007G YQ	2		
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VA007G YQ	2		
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO007G YQ	2	6	

30	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc	1BS008G YQ	2		
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO007G YQ	2	5	
C	Các môn kiến thức ngành		47		
	Chuyên ngành Y học TDTT và sức khỏe				
	Bắt buộc:		32		
1	Kiểm tra y học	1YS103Y	4	7	
2	Hồi phục Thể thao	1YS601Y	2	7	
3	Xoa bóp Thể thao	1YS603Y	6	2,3	
4	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	1YS808Y	3	7	
5	Bệnh học Nội khoa	1YS805Y	2	5	
6	Bệnh học Ngoại khoa	1YS806Y	2	6	
7	Cấp cứu ban đầu	1YS802Y	3	4	
8	Y tế cơ sở	1YS801Y	3	4	
9	Thế dục chữa bệnh	1YS602Y	3	8	
10	Dinh dưỡng Thể thao	1YS402Y	4	5	
	Tự chọn (15/26 tín chỉ)		15		
11	Giải phẫu vận động	1YS702Y	3	3	
12	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS401Y	3	4	
13	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS501Y	3	3	
14	Sinh lý huấn luyện	1YS303Y	3	5	
15	Di truyền học và tuyển chọn	1YS807Y	3	8	
16	Sinh lý bệnh	1YS304Y	2		
17	Dược học cơ sở	1YS804Y	3		
18	Y học cổ truyền	1YS803Y	3		
19	Vệ sinh phòng bệnh	1YS202Y	3		
D	Thực tập nghề nghiệp				
	Thực tập nghiệp vụ				
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	5	
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	7	
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	1LV001	6	8	
	Học phần chuyên môn thay thế:				
1	Học phần chuyên môn thay thế 1	1LL008G YQ	3	8	
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	1YS102G HY	3	8	
E	Chuyên ngành 2				
1	Sinh viên lựa chọn theo nhu cầu (*)		18		
Tổng			122		

7. Đề cương chi tiết các học phần (có đề cương kèm theo)

8. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

8.1. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP
1	PPD1	Thuyết giảng
2	PPD2	Tổ chức học tập theo nhóm
3	PPD3	Dạy học dựa trên vấn đề
4	PPD4	Giảng dạy thông qua thảo luận
5	PPD5	Giảng dạy thông qua thực hành

(Tùy thầy cô đặt mã, tuy nhiên nên đặt mã ngắn gọn dễ hiểu không quá 5 ký tự. Nội dung của phương pháp phải có và có thể giải thích tại phụ lục)

8.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên PP
1	PDG1	Tham dự lớp
2	PDG2	Thảo luận
3	PDG3	Làm việc nhóm
4	PDG4	Thuyết trình
5	PDG5	Bài tập
6	PDG6	Thực hành
7	PDG7	Thi giữa môn học
8	PDG8	Thi cuối môn học

(Tùy thầy cô đặt mã, tuy nhiên nên đặt mã ngắn gọn dễ hiểu không quá 5 ký tự. Nội dung của phương pháp đánh giá phải có và có thể giải thích tại phụ lục)

* Sự tương thích của PP đánh giá với CDR CTĐT (dùng dấu x)

9. Các chương trình đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Hồng Đức Đại học Hùng Vương

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh Khoa Công nghệ Hóa học

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Kinh-Trung Quốc

Chương trình đào tạo Đại học của Học viện TDTT Thượng Hải – Trung Quốc

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Matcova – Nga

10. Tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên, nhân lực hỗ trợ

- Tính đến 25/8/2021 Khoa Y sinh học TDTT có tổng số 13 đ/c giảng viên, cán bộ: Trong đó: GVCC: 01, GVC: 05, Tiến sĩ: 05; Thạc sĩ: 07; NCS: 01

11. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Khoa đang quản lý 01 phòng thực hành, 01 kho, 03 phòng làm việc.

12. Hướng dẫn và thực hiện

Kế hoạch chiến lược phát triển khoa Y sinh học TDTT bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi, những mục tiêu, nội dung, giải pháp khái quát, cơ bản nhằm định hướng phát triển Khoa. Tổ chức thực hiện và đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch chiến lược có ý nghĩa quan trọng. Cần tập trung làm tốt một số công việc chủ yếu sau:

Quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Kế hoạch chiến lược trong toàn Khoa và các bên liên quan.

Khoa cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược trong từng giai đoạn, năm học. Các Bộ môn xây dựng kế hoạch thực hiện kế hoạch chiến lược của đơn vị mình.

Tổ chức thực hiện thành công Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Khoa yêu cầu các tổ chức đoàn thể, đơn vị và các cá nhân nghiêm túc thực hiện.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA ĐẠI HỌC 55 (NK: 2019-2023)
NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (Mã số: 7.72.90.01)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 966 /QĐ-TĐTTBN ngày 20 tháng 9 năm 2019)

TT	CÁC MÔN HỌC	Số tín chỉ	Số giờ	Học phần	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
A	Các môn đại cương	30	450	17								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	75	2	30	45						
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	3	45	1			45					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	1			30					
4	Ngoại ngữ	6	90	2	45	45				30		
5	Tin học đại cương	2	30	1			30					
6	Tâm lý học đại cương	2	30	1				30				
7	Giáo dục học đại cương	2	30	1			30					
8	Thông kê toán học	2	30	1				30				
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	1				30				
10	Quản lý hành chính nhà nước	2	30	1		30						
11	Pháp luật đại cương	2	30	1								
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	3	45	1	45							
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	2	30	1	30							
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1	30	1	30							
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	2	60	1	60							
B	Kiến thức cơ sở ngành	31	630	15								
	Bắt buộc:	10										
1	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	30	1			30			30	30	
2	Sinh lý Thể dục thể thao	4	60	2								
3	Vệ sinh Thể dục thể thao	2	30	1	30							
4	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	2	30	1			30					
	Tự chọn 1 (5/21 tín chỉ)	5										
5	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	30									
6	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	30								45	
7	Y học Thể dục thể thao	3	45	1					30			
8	Đo lường Thể thao	2	30	1								
9	Quản lý Thể dục thể thao	2	30									
10	Xã hội học Thể dục thể thao	2	30									
11	Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	2	30									
12	Lịch sử Thể dục thể thao	2	30									
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30									
14	Văn hóa thể thao	2	30									
	Tự chọn 2 (16/34 tín chỉ)	16										
15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Diễn Kinh	2	60	1		60						
16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	2	60	1	60							
17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	60	1			60					
18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	2	45						45	★		
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	2	45	1								
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	2	45					45	★			
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	2	45	1								
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	2	45									
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	2	45	1				45	★			
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	2	45									
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	45									
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	2	45									
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	2	45									
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	2	45	1						45	★	
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	2	45									
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc	2	45						45	★		
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	2	45	1								
C	Các môn liên thuộc ngành	47	795	16								
	Chuyên ngành Y học TĐTT và sức khỏe											
	Bắt buộc:	32										
1	Kiểm tra y học	4	60	1							60	
2	Hồi phục Thể thao	2	45	1							45	★
3	Xoa bóp Thể thao	6	120	2	60	★	60	★				
4	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	3	60	1						60	★	
5	Bệnh học Nội khoa	2	30	1					30			
6	Bệnh học Ngoại khoa	2	30	1						30		
7	Cấp cứu ban đầu	3	60	1				60	★			
8	Y tế cơ sở	3	45	1				45				
9	Thể dục chữa bệnh	3	60	1							60	★
10	Dinh dưỡng Thể thao	4	60	1						60		
	Tự chọn (15/26 tín chỉ)	15										
11	Giải phẫu vận động	3	60	1		60						
12	Sinh hóa Thể dục thể thao	3	45	1				45				
13	Sinh cơ Thể dục thể thao	3	45	1					30			
14	Sinh lý huấn luyện	3	30	1								45
15	Di truyền học và tuyển chọn	3	45	1								
16	Sinh lý bệnh	2	30									
17	Dược học cơ sở	3	45									
18	Y học cổ truyền	3	45									
19	Vệ sinh phòng bệnh	3	45									
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	630	3								
	Thực tập nghề nghiệp								135			
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	135	1							225	
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	225	1								270
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	6	270	1								
	Học phần chuyên môn thay thế:											
1	Học phần chuyên môn thay thế 1	3	135	1								135
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	3	135	1								135
E	Chuyên ngành 2											
1	Sinh viên lựa chọn theo nhu cầu (*)	18	450	6			75	75	75	75	75	75
	Tổng cộng	122	2505	61	165	300	360	330	345	195	435	375

Điều kiện đăng cấp VDV: Ba môn tự chọn đạt đẳng cấp 3.

Ghi chú:

★ là môn học trong đó có 1 tín chỉ lý thuyết

☆ là môn học trong đó có 2 tín chỉ lý thuyết

(*) SV chọn 1/15 môn thể thao; hoặc Quản lý TĐTT; hoặc Y học TĐTT & sức khỏe

